TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2026/HNGĐ-PT
Ngày 08 - 5 - 2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng
Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Kiến
Ông Lê Thành Tôn

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Chí Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa***: Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở 1 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2026/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 30/2025/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 806/2026/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỷ T, sinh năm 2003.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị Mỷ T: Ông Lê Thanh P là Luật sư của Công ty L2 - Chi nhánh T3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T.

2. Bị đơn: Anh Lai Nguyễn Hữu H, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh L Nguyễn Hữu H: Bà Trịnh Thanh T1, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Mỷ T là nguyên đơn; Anh Lai Nguyễn Hữu H là bị đơn trong vụ án.

(Chị T, Luật sư P, anh H, bà T1 có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và tài phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỷ T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh L Nguyễn Hữu H kết hôn vào năm 2022, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Đồng Tháp. Hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân sống chung nhà với cha mẹ chồng do không sắp xếp được công việc nhà, công việc buôn bán quần áo, cha mẹ chồng và anh H không thông cảm, chia sẻ hay la rầy; thấy không sống chung được với cha mẹ chồng nên đề nghị ra riêng anh H không đồng ý. Vợ chồng nhiều lần cãi nhau, có lần thống nhất ly hôn, chị bồng con về nhà cha mẹ ruột thì bị anh H ngăn cản bằng cách ném con dao xuống gạch văng trúng phần chân phải đến bệnh viện, có khi không vừa ý chuyện gì anh H còn dùng tay đánh, bóp cổ và khi đang nuôi con nhỏ, tuy thương tích không lớn nhưng ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm và có ý định ly hôn, được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không khắc phục được. Đến ngày 10/12/2024, chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh H về nhà cha mẹ ruột sinh sống.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mỗi người cần có cuộc sống riêng nên chị T yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị T trình bày có 01 con chung tên Lai Nguyễn Gia H1, sinh ngày 01/3/2024, hiện do anh H nuôi dưỡng.

Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con, vì con dưới 36 tháng tuổi và là nữ cần sự chăm sóc của mẹ; có nơi ở ổn định sống chung nhà với cha mẹ ruột và đang mua bán quần áo online, thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đủ điều kiện để nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng, trường hợp Tòa án giao con cho anh H nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa chị T yêu cầu chia tài sản chung 6,9 lượng vàng 24 Kra, thống nhất giá trị mỗi lượng vàng là 129.900.000 đồng (12.990.000 đồng/chỉ), hiện anh H đang cất giữ, yêu cầu anh H chia và giao ½ tài sản chung là 3,45 lượng vàng 24 Kra, cụ thể: Vàng cưới 2,7 lượng vàng 24 Kra yêu cầu chia ½ là 1,35 lượng vàng và vàng vợ chồng tạo lập 4,2 lượng vàng 24 Kra yêu cầu chia ½ là 2,1 lượng vàng.

Chị T xác định anh H là người giữ 6,9 lượng vàng 24 Kra, trước ngày chị đi có lấy số vàng ra kiểm tra còn đủ và cất lại trong ngăn tủ quần áo để trong phòng riêng của chị và anh H, khi đó anh H có mặt và chứng kiến. Đến ngày 10/12/2024 chị T dọn đồ đi chỉ mang theo một số quần áo và đồ dùng cá nhân, không có lấy 6,9 lượng vàng 24 Kra, việc anh H trình bày chị lấy tất cả vàng gồm vàng nữ trang và vàng 24 Kra là không đúng, vì vàng nữ trang gồm dây chuyền, vòng bi và vòng xi-men thì trước đó chị đã cất giữ và sử dụng cá nhân, còn 6,9 lượng vàng 24 Kra vẫn còn cất giữ trong tủ, anh H là người giữ chìa khóa.

Về nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lai Nguyễn Hữu H trình bày và phản tố yêu cầu:

Về hôn nhân: Anh H thống nhất như chị Nguyễn Thị Mỷ T trình bày, anh và chị T kết hôn năm 2022, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) vào ngày 17/5/2022. Hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến, có cãi nhau, việc cãi nhau thường gặp trong đời sống vợ chồng, không đến mức trầm trọng và có thể hàn gắn, việc anh ném con dao để ngăn cản chị T bỏ đi chứ không ném vào người chị T, không có đánh hay bóp cổ chị T và thường quan tâm chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Trong thời gian sống chung đôi lúc chị T nói năng không tôn trọng cha mẹ anh, thời gian không sống chung có hàn gắn nhưng không được. Anh không đồng ý ly hôn vẫn còn tình cảm với chị T và cùng chị T ra ở riêng.

Về con chung: Anh H trình bày có 01 con chung tên Lai Nguyễn Gia H1, sinh ngày 01/3/2024, hiện đang sống với anh, từ khi chị T đi đến nay anh là người trực tiếp chăm sóc nuôi con đảm bảo đầy đủ về mọi mặt, được ông bà nội quan tâm, chị T đến thăm nom chăm sóc con bình thường. Trường hợp giải quyết vợ chồng ly hôn anh H yêu cầu được nuôi dưỡng con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, trường hợp giao con cho chị T nuôi dưỡng anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh H yêu cầu chia 07 lượng vàng 24 Kra gồm: Vàng cưới 03 lượng và vàng vợ chồng tự tạo lập 04 lượng; 36,853 chỉ vàng trang sức 610 gồm: 01 dây chuyền, 01 vòng bi, 01 vòng xi-men.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh H rút một phần yêu cầu chia 0,1 lượng vàng 24 Kra và 36,853 chỉ vàng trang sức. Anh H chỉ yêu cầu chia 6,9 lượng vàng 24 Kra, thống nhất giá trị mỗi lượng vàng là 129.900.000 đồng (12.990.000 đồng/chỉ), hiện chị T đang cất giữ yêu cầu chị T chia và giao ½ là 3,45 lượng vàng 24 Kra, cụ thể: Vàng cưới 2,7 lượng vàng 24 Kra yêu cầu chị T chia ½

là 1,35 lượng vàng và vàng vợ chồng tự tạo lập 4,2 lượng vàng 24 Kra yêu cầu chị T chia ½ là 2,1 lượng vàng.

Anh H xác định chị T là người giữ 6,9 lượng vàng 24 Kra. Vào khoảng tháng 10/2024 chị T lấy 6,9 lượng vàng 24 Kra ra kiểm tra và chị T cất lại trong ngăn tủ quần áo để trong phòng riêng của vợ chồng, từ đó đến lúc chị T bỏ đi ngày 10/12/2024 thì vợ chồng không lấy số vàng này, không sử dụng vào việc gì, cũng không đem đi đâu. Trước thời điểm chị T đi vàng vẫn còn trong tủ quần áo trong phòng riêng của vợ chồng. Ngày 10/12/2024 lúc chị T dọn đồ đi anh không có kiểm tra, đến chiều cùng ngày anh kiểm tra phát hiện mất 6,9 lượng vàng 24 Kra và trình báo với chính quyền địa phương khóm T (nay là ấp T, xã T), vàng nữ trang gồm dây chuyền, vòng bi và vòng xi-men được cất giữ chung với 6,9 lượng vàng 24 Kra, vì ngày 10/12/2024 chị T không có đeo vàng nữ trang này. Sau đó ngày 31/12/2024 chị T đeo vàng nữ trang này tại đám đầy tháng cháu chị T, số vàng này từ trước đến thời điểm phát hiện mất do vợ chồng cùng quản lý, cất giữ chưa lần nào lấy ra sử dụng hay mang đi đâu. Việc mất 6,9 lượng vàng 24 Kra là do chị T lấy cùng với vàng nữ trang khi dọn đồ đi.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Quyết định bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 30/2025/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỷ T. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Lai Nguyễn Hữu H.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỷ T được ly hôn với anh Lai Nguyễn Hữu H.

- Về con chung: Anh Lai Nguyễn Hữu H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lai Nguyễn Gia H1, sinh ngày 01/3/2024. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh H không yêu cầu.

Chị T và anh H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Lai N có trách nhiệm giao lại cho chị Nguyễn Thị Mỷ T ½ tài sản chung là 3,45 lượng (Ba lượng, bốn mươi lăm chỉ) vàng 24 Kra.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đình chỉ yêu cầu của anh L Nguyễn Hữu H về việc yêu cầu chia tài sản chung là 0,1 lượng vàng 24 Kra và 36,853 chỉ vàng (trang sức 610) gồm 01

dây chuyền, 01 vòng bi, 01 bộ vòng xi-men. Anh Lai Nguyễn Hữu H có quyền khởi kiện lại yêu cầu này theo thủ tục chung.

- Về nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỷ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng và án phí về chia tài sản là 22.408.000 đồng, tổng cộng là 22.708.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.459.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007220, ngày 27/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Đồng Tháp); như vậy, chị T còn nộp số tiền là 15.249.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Anh Lai Nguyễn Hữu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản là 22.408.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.327.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001381, ngày 11/8/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Đồng Tháp); như vậy, anh H còn nộp số tiền là 12.081.000 đồng (Mười hai triệu không trăm tám mươi mốt nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 08 tháng 10 năm 2025, chị Nguyễn Thị Mỷ T kháng cáo một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 30/2025/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao con chung Lai Nguyễn Gia H1, sinh ngày 01/3/2024 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Ngày 20 tháng 10 năm 2025, anh Lai Nguyễn Hữu H kháng cáo một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 30/2025/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc chị T phải chia cho anh 34,5 chỉ vàng 24 Kra, vì chị T là người giữ tài sản chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Nguyễn Thị Mỷ T trình bày: Vẫn giữ kháng cáo, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Lai Nguyễn Gia H1, sinh ngày 01/3/2024, không thống nhất kháng cáo của anh H. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị, sửa bản án sơ thẩm.

Luật sư Lê Thanh P là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của chị Nguyễn Thị Mỷ T trình bày: Bản án sơ thẩm giao cháu Lai Nguyễn Gia H1, sinh ngày 01/3/2024 cho anh L Nguyễn Hữu H nuôi dưỡng là không phù hợp

khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Cháu Gia H1 chưa đủ 36 tháng tuổi, chị T có đủ điều kiện nuôi con và mẹ nuôi con tốt hơn, cháu Gia H1 là nữ, giao cho anh H nuôi dưỡng không đảm bảo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị T, sửa bản sơ thẩm giao cháu Gia H1 cho chị T nuôi dưỡng, anh H được quyền thăm nom chăm sóc con.

Chị Nguyễn Thị Mỷ T trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, không bổ sung gì thêm.

Bà Trịnh Thanh T1 trình bày: Vẫn giữ kháng cáo, không đồng ý giao cho chị T 34,5 chỉ vàng 24 Kra, anh L Nguyễn Hữu H chăm sóc cháu Lai Nguyễn Gia H1 rất tốt và phát triển bình thường; tài sản chỉ có anh H và chị T biết. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh H, sửa bản án sơ thẩm.

Anh Lai Nguyễn Hữu H trình bày: Không thống nhất kháng cáo của chị T, từ khi chị T về nhà cha mẹ ruột sinh sống anh chăm sóc nuôi dưỡng Lai Nguyễn Gia H1 đảm bảo về mọi mặt và phát triển bình thường, sau khi xét xử sơ thẩm chị T không đến thăm nom chăm sóc con. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh, sửa bản án sơ thẩm, buộc chị T chia cho anh 34,5 chỉ vàng 24 K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Cháu Lai Nguyễn Gia H1 dưới 36 tháng tuổi (hiện cháu được 22 tháng tuổi) cần được sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ; chị T có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con chung, nên cần xem xét giao cháu Gia H1 cho chị T được nuôi dưỡng. Anh Lai Nguyễn Hữu H kháng cáo không cung cấp tài liệu chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Án sơ thẩm không quyết định chia cho anh H được sở hữu 34 chỉ 5 phân vàng 24 Kra là thiếu sót và ghi chú (Ba lượng, bốn mươi lăm chỉ) vàng 24 Kra là sai sót, ngoài ra đã chia vàng thì không cần phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Mỷ T, không chấp nhận kháng cáo của anh Lai Nguyễn

Hữu H, sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 30/2025/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp. Về con chung: Giao cháu Lai Nguyễn Gia H1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản: Chia cho anh H được sở hữu 34 chỉ 5 phân vàng 24 Kra, chia cho chị T 34 chỉ 5 phân vàng 24 Kra. Anh H có trách nhiệm giao lại cho chị T 34 chỉ 5 phân vàng 24 Kra và sửa án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Mỷ T, anh Lai Nguyễn Hữu H nộp trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" thụ lý giải quyết phù hợp khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Mỷ T yêu cầu sửa bản án sơ thẩm giao con chung Lai Nguyễn Gia H1, sinh ngày 01/3/2024 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Về con chung: Chị T và anh H trình bày có 01 con chung tên Lai Nguyễn Gia H1, sinh ngày 01/3/2024, hiện đang sống với anh H. Chị T và anh H đều có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu Gia H1, chị T và anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Khoản 3 Điều 81 của quy định: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Chỉ vì mâu thuẫn vợ chồng, chị T về nhà cha mẹ ruột sinh sống, để lại cháu Gia H1 chưa được 10 tháng tuổi cho anh H nuôi dưỡng, chị T cũng thừa nhận cháu Gia H1 phát triển bình thường, sức khỏe tốt. Anh H là chủ hộ kinh doanh "Hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ Thư Phúc (M). Dịch vụ cầm đồ, bán mô tô, xe máy, bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép thu nhập mỗi tháng từ 10.000.000 đồng - 15.000.000 đồng, thu nhập ổn định, hoàn toàn đủ điều kiện để nuôi cháu Gia H1. Mặc dù, khoản 3 Điều 81 của quy định "Con dưới 36 tháng tuổi phải giao cho mẹ trực tiếp nuôi...", nhưng chị T đã không nuôi cháu Gia H1 chưa được 10 tháng tuổi. Hiện tại, cháu Gia H1 đã quen với điều kiện,

môi trường sống và được anh H nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo trong điều kiện tốt nhất; nếu giao cháu Gia H1 cho chị T nuôi dưỡng sẽ gây sự xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét một cách toàn diện, tiếp tục giao cháu Gia H1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là có cơ sở. Do anh H không yêu cầu cấp dưỡng không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.2] Xét kháng cáo của anh L Nguyễn Hữu H yêu cầu buộc chị T phải chia cho anh 34,5 chỉ vàng 24 Kra, vì chị T là người giữ tài sản chung.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tài sản chung: Anh H và chị T đều thừa nhận vàng cưới và vàng tạo lập 6,9 lượng vàng 24 Kra. Theo chị T trình bày trước ngày về nhà cha mẹ ruột thì số vàng được cất giữ trong tủ quần áo để trong phòng riêng của vợ chồng, còn anh H cho rằng khi chị T bỏ đi đã đem vàng theo.

Thời điểm ngày 10/12/2024 tại nhà anh H khi chị T dọn đồ có mặt anh H, ông N và bà T2 là cha mẹ anh H, bà L1 là bà nội chị T và ông M, bà C là cha mẹ của chị T trình bày không thấy chị T đem vàng theo, không chứng kiến việc chị T dọn đồ. Anh H cho rằng chị T đem vàng nữ trang như dây chuyền, vòng bi, vòng xi-men, vì ngày 10/12/2024 khi chị T đi không có đeo nữ trang đến ngày 31/12/2024 chị T đeo số vàng nữ trang này, số vàng 24 Kra được cất giữ chung với vàng nữ trang, khi phát hiện bị mất trình báo với địa phương, việc trình báo không có lập biên bản mà chỉ là lời trình bày của anh H.

Ông Bùi Trung H2 là Phó Ấp T có văn bản không đề ngày tháng trình bày: Vào ngày 10/12/2024, anh H có "Tờ tường trình" gửi Ban N1 (nay là ấp T), xã T, tỉnh Đồng Tháp như sau: "Anh H và vợ là chị T xảy ra mâu thuẫn vào ngày 10/12/2024 nên chị T cùng gia đình đến nhà anh H thu dọn đồ dùng cá nhân của chị T về nhà mẹ đẻ, sau khi chị T dời khỏi nhà thì anh H kiểm tra lại số tài sản chung gồm vàng cưới được cha mẹ hai bên cho 27 chỉ vàng 24 Kra và cùng số vàng vợ chồng dành dụm được khoảng 42 chỉ vàng 24 Kra và 36,853 chỉ vàng 18 Kra không còn tại nơi vợ chồng cất giữ. Qua làm việc và xác minh, ông xác nhận có xảy ra sự việc như anh H trình bày, nhưng văn bản ý kiến của ông H2 do người đại diện của anh H giao nộp không đảm bảo khách quan.

Vì vậy, có đủ cơ sở xác định 6,9 lượng vàng 24 Kra được cất giữ trong tủ quần áo của anh H và chị T, khi chị T đi không đem vàng theo, Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh H chia tài sản chung ½ của 6,9 lượng vàng 24 Kra là có cơ sở. Tuy nhiên, phần quyết định của bản án anh H có trách nhiệm giao lại cho

chị T ½ tài sản chung là 3,45 lượng (Ba lượng, bốn mươi lăm chỉ) vàng 24 Kra là chưa phù hợp, không tuyên anh H được sở hữu 3 lượng 4 chỉ 5 phân vàng 24 Kra hiện đang quản lý, sử dụng là thiếu sót. Ngoài ra, bản án tuyên "Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác" là chưa phù hợp pháp luật và sai về án phí. Do đó, sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị T, anh H không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Do đó, yêu cầu kháng cáo của chị T, anh H là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy kháng cáo của chị T, anh H là không có căn cứ, sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 30/2025/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp có một phần căn cứ nên chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của chị T là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của chị T, anh H không được chấp nhận nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Mỷ T, anh Lai Nguyễn Hữu H.

2. Sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 30/2025/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp.

2.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỷ T được ly hôn với anh Lai

Nguyễn Hữu H.

2.2. Về con chung: Anh Lai Nguyễn Hữu H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lai Nguyễn Gia H1, sinh ngày 01/3/2024. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung:

Anh Lai Nguyễn Hữu H được sở hữu ½ tài sản chung là 3 lượng 4 chỉ 5 phân vàng 24 Kra (Ba lượng bốn chỉ năm phân vàng hai mươi bốn Kra) hiện đang quản lý, sử dụng.

Anh Lai Nguyễn Hữu H có trách nhiệm giao lại cho chị Nguyễn Thị Mỷ T ½ tài sản chung là 3 lượng 4 chỉ 5 phân vàng 24 Kra (Ba lượng bốn chỉ năm phân vàng hai mươi bốn Kra).

2.4. Về nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

2.5. Đình chỉ xét xử đối với anh Lai Nguyễn Hữu H yêu cầu chia tài sản chung 0,1 lượng vàng 24 Kra và 36,853 chỉ vàng trang sức 610 gồm 01 dây chuyền, 01 vòng bi, 01 bộ vòng xi-men.

2.6. Về án phí sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Mỷ T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng và án phí về chia tài sản 21.926.000 đồng, tổng cộng 22.226.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.459.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007220, ngày 27/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Đồng Tháp). Như vậy, chị T còn phải nộp thêm số tiền 14.767.000 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

- Anh Lai Nguyễn Hữu H phải chịu án phí về chia tài sản 21.926.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.327.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001381, ngày 11/8/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Đồng Tháp). Như vậy, anh H còn phải nộp thêm số tiền 11.599.000 đồng (Mười một triệu năm trăm chín mươi chín nghìn đồng).

3. Về án phí phúc thẩm:

Chị Nguyễn Thị Mỷ T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004280, ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Anh Lai Nguyễn Hữu H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo

đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005874, ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng KT - TT & THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực 11 - Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 11 - Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu: VT, TDS, HSVA (Dũng).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Chí Dũng